SỞ GD&ĐT BÀ RỊA VŨNG TÀU

TRƯỜNG THPT BÀ RỊA

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2022-2023

LỚP: 12A1

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚPc	LỚP	Toán	Lí	Hóa	Sinh	Văn	Sử	Địa	Anh	ĐTB	HL	HK	Ghi chú
1	Bùi Thị Vân Anh	11A1	**12A1**	9,4	9,4	9,0	8,5	8,2	9,3	9,5	8,9	**9,4**	Giỏi	Tốt	
2	Huỳnh Quốc Anh	11A2	**12A1**	9,4	9,6	8,4	8,1	7,3	8,9	8,9	8,3	**9**	Giỏi	Tốt	
3	Đinh Hoàng Như Bình	11A1	**12A1**	8,0	8,7	8,7	8,8	7,9	9,1	8,9	8,2	**9,1**	Giỏi	Tốt	
4	Vũ Thế Cường	11A1	**12A1**	7,8	9,0	8,7	8,6	7,5	8,6	8,2	7,6	**8,7**	Khá	Tốt	
5	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	11A1	**12A1**	9,7	9,5	9,4	9,5	8,7	9,2	8,8	8,0	**9,5**	Giỏi	Tốt	
6	Trần Thị Hoa	11A1	**12A1**	8,5	9,0	8,8	8,3	8,2	9,5	8,6	8,5	**9,1**	Giỏi	Tốt	
7	Nguyễn Xuân Hoàng	11A1	**12A1**	8,7	8,8	9,1	8,6	7,6	8,6	8,6	9,0	**9**	Giỏi	Tốt	
8	Đào Đức Hùng	11A2	**12A1**	9,5	9,2	8,1	8,5	7,7	8,2	8,3	7,6	**8,7**	Giỏi	Tốt	
9	Nguyễn Kim Khánh	11A2	**12A1**	9,3	9,4	9,2	8,8	8,6	8,9	8,9	9,2	**9,3**	Giỏi	Tốt	
10	Hà Thị Thùy Linh	11A1	**12A1**	7,8	8,6	8,4	8,8	8,2	8,8	8,5	8,1	**8,9**	Giỏi	Tốt	
11	Nguyễn Hiển Long	11A1	**12A1**	9,2	9,3	9,4	9,4	8,8	9,6	9,2	9,4	**9,6**	Giỏi	Tốt	
12	Trần Quang Mạnh	11A1	**12A1**	9,4	9,8	9,4	9,4	8,0	9,7	9,6	9,1	**9,7**	Giỏi	Tốt	
13	Lương Trịnh Nhật Minh	11A1	**12A1**	8,7	8,0	7,9	7,8	7,4	8,6	7,9	6,5	**8,3**	Giỏi	Tốt	
14	Ngô Xuân Minh	11A1	**12A1**	8,6	8,4	8,1	8,1	8,0	8,7	8,4	7,2	**8,7**	Giỏi	Tốt	
15	Trần Văn Hoàng Minh	11A1	**12A1**	8,9	8,4	8,8	7,9	7,6	8,8	9,1	7,9	**8,9**	Giỏi	Tốt	
16	Phạm Uyên My	11A2	**12A1**	8,0	8,4	7,6	8,0	6,7	8,0	8,6	7,5	**8,4**	Giỏi	Tốt	
17	Phạm Thị Kim Ngân	11A1	**12A1**	8,6	9,2	8,9	8,1	7,9	9,2	8,7	8,6	**9,2**	Giỏi	Tốt	
18	Lê Thị Thảo Nguyên	11A1	**12A1**	8,1	8,4	8,6	7,6	8,2	8,8	8,0	7,7	**8,6**	Giỏi	Tốt	
19	Lê Minh Nhật	11A2	**12A1**	9,6	9,8	9,2	9,7	8,9	9,2	8,9	9,0	**9,6**	Giỏi	Tốt	
20	Nguyễn Minh Quang	11A1	**12A1**	9,4	9,7	9,4	8,7	8,2	9,6	9,1	8,2	**9,4**	Giỏi	Tốt	
21	Nguyễn Minh Quang	11A1	**12A1**	8,3	8,5	8,0	8,4	7,1	8,2	8,1	7,3	**8,5**	Giỏi	Tốt	
22	Phạm Văn Quốc	11A1	**12A1**	7,7	9,2	8,8	8,3	7,0	8,2	8,4	7,8	**8,6**	Khá	Tốt	
23	Nguyễn Duy Đông Sang	11A1	**12A1**	8,8	9,3	9,1	9,0	8,6	9,5	8,9	8,2	**9,4**	Giỏi	Tốt	
24	Mã Văn Thắng	11A1	**12A1**	9,8	9,9	9,5	9,0	8,5	9,6	9,0	8,6	**9,6**	Giỏi	Tốt	
25	Trần Thị Phương Thanh	11A1	**12A1**	9,3	9,6	9,4	8,7	8,2	9,5	9,0	8,5	**9,4**	Giỏi	Tốt	
26	Nguyễn Tấn Thành	11A1	**12A1**	8,6	8,8	8,5	8,6	7,2	8,6	8,7	7,0	**8,7**	Giỏi	Tốt	
27	Nguyễn Thị Thanh Thảo	11A2	**12A1**	9,0	9,5	8,2	8,7	8,3	8,7	8,4	8,5	**9,1**	Giỏi	Tốt	
28	Vũ Hoàng Ngọc Thảo	11A2	**12A1**	8,5	8,8	8,3	8,2	8,0	8,4	8,6	8,4	**8,9**	Giỏi	Tốt	
29	Huỳnh Cao Kim Thoa	11A1	**12A1**	8,2	8,6	8,7	8,4	7,8	8,8	8,9	7,8	**8,9**	Giỏi	Tốt	
30	Hoàng Văn Thuận	11A1	**12A1**	8,5	8,1	8,0	7,9	7,9	9,1	8,6	7,2	**8,5**	Giỏi	Tốt	
31	Nguyễn Phúc Thuận	11A1	**12A1**	9,0	9,7	9,0	9,5	7,9	9,7	8,7	8,2	**9,4**	Giỏi	Tốt	
32	Nguyễn Thị Thủy Tiên	11A1	**12A1**	8,3	9,3	8,6	7,7	8,0	8,6	8,1	6,9	**8,7**	Giỏi	Tốt	
33	Lê Trung Tín	11A2	**12A1**	9,2	9,2	8,3	8,1	7,1	7,7	8,5	6,9	**8,5**	Giỏi	Tốt	
34	Phạm Nguyễn Thiên Trang	11A1	**12A1**	9,0	9,3	8,9	8,3	8,2	9,4	8,6	8,2	**9,2**	Giỏi	Tốt	
35	Văn Diệu Trí	11A1	**12A1**	8,0	9,4	8,8	8,8	8,5	8,6	8,4	7,9	**8,8**	Giỏi	Tốt	
36	Từ Dương Trung	11A1	**12A1**	8,8	9,1	9	8,4	7,4	8,9	8,7	9,4	**9,1**	Giỏi	Tốt	
37	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	11A1	**12A1**	7,5	8,4	7,9	8,1	7,9	7,9	8,7	9,2	**8,7**	Giỏi	Tốt	
38	Lê Vũ Trúc Vy	11A1	**12A1**	8,3	9,2	9	8,7	8	9,2	8,7	8,6	**9,2**	Giỏi	Tốt	
39	Hồ Thị Mỹ Yến	11A2	**12A1**	9,2	9,6	9,3	9	8,7	8,7	8,9	8,7	**9,3**	Giỏi	Tốt	
40															
41															
42															
43															
44															
45															

SỞ GD&ĐT BÀ RỊA VŨNG TÀU

TRƯỜNG THPT BÀ RỊA

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2022-2023

LỚP: 12A2

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚPc	LỚP	Toán	Lí	Hóa	Sinh	Văn	Sử	Địa	Anh	ĐTB	HL	HK	Ghi chú
1	Lê Văn Trường An	11A1	**12A2**	6,9	7,9	7,3	7,9	7,5	8,1	7,9	7,0	**8,2**	Khá	Tốt	
2	Phạm Bùi Vân Anh	11A1	**12A2**	6,9	8,1	7,5	7,7	7,0	8,7	8,2	6,6	**8,1**	Khá	Tốt	
3	Hàn Vân Anh	11A2	**12A2**	8,0	8,5	7,4	7,3	8,5	8,3	8,2	8,0	**8,6**	Giỏi	Tốt	
4	Đỗ Thị Kim Chi	11A2	**12A2**	9,2	9,5	8,4	9,2	8,2	8,2	9,0	8,6	**9,2**	Giỏi	Tốt	
5	Nguyễn Trang Dung	11A2	**12A2**	6,8	8,0	7,4	7,6	7,6	7,8	8,2	7,3	**8,1**	Khá	Tốt	
6	Hà Minh Đạt	11A2	**12A2**	8,2	8,2	8,5	8,0	7,8	7,7	7,7	7,5	**8,4**	Giỏi	Tốt	
7	Đỗ Nhật Minh Đức	11A2	**12A2**	7,8	8,0	7,8	7,8	7,7	8,2	8,4	7,8	**8,4**	Khá	Tốt	
8	Trần Thị Thu Hằng	11A1	**12A2**	7,1	8,4	8,5	7,8	8,5	8,9	8,6	7,7	**8,8**	Giỏi	Tốt	
9	Trương Thị Thúy Hạnh	11A2	**12A2**	8,4	9,1	8,3	8,7	8,3	9,0	9,3	9,0	**9,2**	Giỏi	Tốt	
10	Phạm Thị Thu Huệ	11A2	**12A2**	8,7	9,1	8,1	8,4	8,0	8,6	8,4	7,4	**8,8**	Giỏi	Tốt	
11	Trần Thanh Hùng	11A2	**12A2**	9,0	9,3	8,5	8,6	8,3	8,4	8,7	8,4	**9,1**	Giỏi	Tốt	
12	Trần Võ Quỳnh Hương	11A2	**12A2**	8,1	9,2	8,1	8,2	8,1	8,8	8,2	8,5	**8,9**	Giỏi	Tốt	
13	Nguyễn Tường Huy	11A2	**12A2**	9,1	9,3	8,7	8,5	8,3	8,0	8,3	8,9	**9,1**	Giỏi	Tốt	
14	Từ Dương Khoa	11A2	**12A2**	9,2	8,8	8,5	7,0	6,5	8,1	7,9	8,2	**8,4**	Giỏi	Tốt	
15	Lưu Đặng Thiên Kim	11A2	**12A2**	8,3	9,4	8,8	8,2	8,2	8,6	8,8	8,3	**8,9**	Giỏi	Tốt	
16	Trần Vũ Phương Linh	11A2	**12A2**	8,6	8,8	8,6	8,6	9,5	8,8	8,9	9,7	**9,3**	Giỏi	Tốt	
17	Hoàng Đình Lộc	11A1	**12A2**	8,5	7,4	7,7	6,9	8,9	8,2	8,0	8,6	**8,5**	Giỏi	Tốt	
18	Nguyễn Thị Trúc Ly	11A2	**12A2**	8,4	9,3	8,9	8,7	8,1	8,6	8,9	8,7	**9**	Giỏi	Tốt	
19	Lê Thị Tuyết Mai	11A2	**12A2**	8,7	9,8	7,9	8,8	8,4	8,8	9,1	8,1	**9,2**	Giỏi	Tốt	
20	Nguyễn Huỳnh Ti Na	11A1	**12A2**	7,7	8,0	7,9	8,1	7,8	8,2	8,5	7,5	**8,6**	Khá	Tốt	
21	Tôn Khánh Bảo Nghi	11A2	**12A2**	7,1	7,8	7,7	7,9	7,7	8,6	8,5	8,7	**8,6**	Giỏi	Tốt	
22	Nguyễn Thị Yến Nhi	11A1	**12A2**	8,0	9,0	8,5	8,8	8,3	8,9	9,0	6,5	**8,8**	Giỏi	Tốt	
23	Nguyễn Lệ Oanh	11A2	**12A2**	8,1	8,7	7,9	8,2	8,2	8,8	8,8	7,9	**8,7**	Giỏi	Tốt	
24	Nguyễn Minh Phúc	11A2	**12A2**	9,0	9,4	9,1	8,7	7,9	8,6	9,2	8,4	**9,2**	Giỏi	Tốt	
25	Nguyễn Lê Hồng Phường	11A2	**12A2**	9,1	9,4	9,2	8,5	8,3	8,8	8,6	8,0	**9,1**	Giỏi	Tốt	
26	Võ Huy Tấn Tài	11A2	**12A2**	8,8	9,2	8,7	7,4	7,4	8,8	8,7	8,0	**8,7**	Giỏi	Tốt	
27	Nguyễn Phạm Minh Tâm	11A1	**12A2**	9,2	9,3	9,1	9,3	9,1	9,4	9,3	9,5	**9,7**	Giỏi	Tốt	
28	Nguyễn Phạm Kim Thi	11A2	**12A2**	8,5	9,0	7,4	7,7	7,2	8,1	7,7	7,4	**8,5**	Giỏi	Tốt	
29	Trịnh Anh Thiên	11A2	**12A2**	8,9	9,5	8,1	8,5	7,2	8,5	8,8	9,2	**9**	Giỏi	Tốt	
30	Nguyễn Minh Thư	11A1	**12A2**	7,6	7,2	8,2	7,5	7,3	8,4	7,6	7,1	**8,2**	Khá	Tốt	
31	Lê Anh Thư	11A2	**12A2**	8,3	9,1	8,6	8,8	8,6	8,4	8,4	9,0	**9**	Giỏi	Tốt	
32	Nguyễn Lê Anh Thư	11A2	**12A2**	8,7	9,0	8,4	8,6	8,0	8,2	8,3	8,3	**8,9**	Giỏi	Tốt	
33	Nguyễn Thị Anh Thư	11A2	**12A2**	8,1	8,6	7,4	8,2	7,7	8,3	8,3	7,9	**8,6**	Giỏi	Tốt	
34	Nguyễn Thị Uyên Thư	11A2	**12A2**	8,1	8,3	8,0	8,5	9,1	8,5	8,3	7,4	**8,7**	Giỏi	Tốt	
35	Nguyễn Võ Tuyết Thương	11A2	**12A2**	8,2	8,8	7,9	7,2	7,6	7,6	8,0	7,2	**8,4**	Giỏi	Tốt	
36	Bùi Thị Thanh Thúy	11A2	**12A2**	9	9,1	9	8,9	8,5	8,7	9,2	8,2	**9,2**	Giỏi	Tốt	
37	Trần Thị Thu Thủy	11A2	**12A2**	9,2	9,5	9	8,6	8,5	9	9,1	9,1	**9,4**	Giỏi	Tốt	
38	Hồng Ngọc Thủy Tiên	11A2	**12A2**	8,3	9,1	8,1	8,1	8,5	8,5	8,5	8,7	**9**	Giỏi	Tốt	
39	Nguyễn Văn Trọng	11A2	**12A2**	8,9	9,5	8,2	8,6	7,1	8,5	8,4	8,4	**8,7**	Giỏi	Tốt	
40	Vũ Như Ý	**11A1**	**12A2**	8,0	8,0	7,4	8,6	8,1	8,5	8,5	8,0	**8,7**	Giỏi	Tốt	
41															
42															
43															
44															
45															

SỞ GD&ĐT BÀ RỊA VŨNG TÀU

TRƯỜNG THPT BÀ RỊA

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2022-2023

LỚP: 12A3

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚPc	LỚP	Toán	Lí	Hóa	Sinh	Văn	Sử	Địa	Anh	ĐTB	HL	HK	Ghi chú
1	Đinh Thị Bình An	11A5	**12A3**	8,2	8,6	8,3	8,0	6,9	8,5	8,0	8,3	**8,5**	Giỏi	Tốt	
2	Nguyễn Thị Lan Anh	11A3	**12A3**	8,0	8,0	8,0	6,5	6,0	7,3	7,4	6,5	**7,7**	Khá	Khá	
3	Phạm Thị Kim Chi	11A3	**12A3**	8,6	9,2	9,0	9,0	9,1	9,2	8,8	8,2	**9,2**	Giỏi	Tốt	
4	Nguyễn Hoàng Quang Dương	11A3	**12A3**	7,2	8,7	8,1	8,4	6,1	7,4	7,6	7,8	**8,1**	Khá	Tốt	
5	Phạm Thái Bình Dương	11A3	**12A3**	8,1	9,1	7,7	7,6	7,0	8,4	8,2	7,5	**8,3**	Giỏi	Tốt	
6	Lai Thanh Duy	11A3	**12A3**	8,2	9,1	7,6	7,8	6,0	7,5	6,9	8,9	**8,2**	Khá	Tốt	
7	Bùi Văn Đạt	11A3	**12A3**	6,9	8,7	7,2	8,1	6,1	8,0	8,3	6,7	**8**	Khá	Tốt	
8	Hồ Tấn Đạt	11A3	**12A3**	8,1	9,2	9,1	9,0	7,8	8,8	8,1	8,1	**9,1**	Giỏi	Tốt	
9	Đỗ Minh Đức	11A1	**12A3**	6,1	6,4	5,5	8,2	6,9	8,2	6,9	7,1	**7,3**	Khá	Tốt	
10	Trần Gia Hân	11A3	**12A3**	6,8	7,8	7,8	7,5	6,5	7,5	7,2	7,1	**7,8**	Khá	Tốt	
11	Văn Ngọc Hân	11A3	**12A3**	7,5	8,2	7,9	7,8	7,0	7,5	8,0	6,8	**8,1**	Khá	Tốt	
12	Nguyễn Hoàng Hiệp	11A3	**12A3**	7,6	7,9	7,4	7,9	5,5	7,0	7,9	7,3	**7,9**	Khá	Tốt	
13	Lê Việt Hùng	11A3	**12A3**	7,8	8,2	7,2	8,1	5,5	7,0	8,1	7,5	**7,9**	Khá	Tốt	
14	Nguyễn Huỳnh Thanh Huy	11A3	**12A3**	8,3	9,2	9,4	8,3	7,8	8,6	8,8	7,5	**9**	Giỏi	Tốt	
15	Nguyễn Văn Duy Khang	11A3	**12A3**	7,3	8,4	7,5	6,4	5,3	7,6	7,9	7,5	**7,9**	Khá	Tốt	
16	Trương Minh Khang	11A5	**12A3**	7,7	9,0	8,0	8,6	6,9	8,1	8,3	8,6	**8,7**	Giỏi	Tốt	
17	Nguyễn Vũ Nhật Lâm	11A3	**12A3**	9,0	9,7	8,4	7,3	5,6	6,8	6,8	7,1	**7,9**	Khá	Tốt	
18	Trần Duy Linh	11A3	**12A3**	5,9	7,4	7,0	7,1	5,3	7,0	7,0	6,4	**7,3**	TB	Tốt	
19	Lê Yến Nhi	11A5	**12A3**	7,9	8,7	7,6	8,1	7,1	7,7	8,2	8,0	**8,4**	Giỏi	Tốt	
20	Nguyễn Lê Yến Nhi	11A5	**12A3**	8,1	8,8	8,2	8,5	7,6	8,2	7,3	8,1	**8,5**	Giỏi	Tốt	
21	Đặng Thị Hồng Như	11A3	**12A3**	8,1	8,9	8,4	7,4	6,6	7,9	7,6	7,9	**8,4**	Giỏi	Tốt	
22	Nguyễn Bảo Quỳnh Như	11A3	**12A3**	7,1	8,1	7,4	6,8	5,5	6,9	8,0	7,5	**7,7**	Khá	Tốt	
23	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	11A3	**12A3**	7,6	8,7	7,9	7,7	6,9	8,1	7,9	7,9	**8,3**	Khá	Tốt	
24	Phạm Bạch Thiên Thảo	11A3	**12A3**	8,9	9,5	9,3	8,4	8,3	8,9	9,1	8,8	**9,2**	Giỏi	Tốt	
25	Nguyễn Quỳnh Thư	11A3	**12A3**	8,7	9,3	8,7	7,9	6,8	8,5	8,4	7,9	**8,7**	Giỏi	Tốt	
26	Lại Minh Thuận	11A3	**12A3**	8,4	9,3	8,8	8,3	6,6	8,3	8,9	7,9	**8,9**	Giỏi	Tốt	
27	Nguyễn Phan Ngọc Thy	11A5'	**12A3**	8,2	9,3	8,6	8,7	7,3	8,3	8,0	8,0	**8,8**	Giỏi	Tốt	
28	Đường Mỹ Tiên	11A3	**12A3**	8,1	8,9	9,0	8,2	6,7	8,8	6,9	6,7	**8,5**	Giỏi	Yếu	
29	Ngô Thị Thùy Tiên	11A3	**12A3**	7,7	9,0	9,1	8,2	7,8	9,1	8,0	8,8	**8,8**	Giỏi	Tốt	
30	Nguyễn Lê Bảo Trâm	11A3	**12A3**	8,2	8,3	9,1	7,0	6,0	7,6	7,9	7,4	**8,2**	Khá	Khá	
31	Lê Trần Ngân Trang	11A3	**12A3**	7,8	8,5	8,1	7,2	6,1	7,2	6,8	7,1	**7,8**	Khá	Tốt	
32	Lê Minh Trí	11A3	**12A3**	7,4	8,4	7,0	6,3	6,2	7,9	7,3	7,4	**7,8**	Khá	Tốt	
33	Nguyễn Văn Minh Trí	11A3	**12A3**	8,2	9,3	9,7	7,9	7,2	8,3	8,2	7,6	**8,7**	Giỏi	Tốt	
34	Lê Nguyễn Nhật Trường	11A5	**12A3**	8,3	9,2	8,7	9,3	7,6	8,9	8,5	7,7	**8,9**	Giỏi	Tốt	
35	Hoàng Ngọc Ái Vy	11A3	**12A3**	7,8	9,1	9,3	8,6	8,7	8,7	8,1	8,1	**9**	Giỏi	Tốt	
36															
37															
38															
39															
40															
41															
42															
43															
44															
45															

SỞ GD&ĐT BÀ RỊA VŨNG TÀU

TRƯỜNG THPT BÀ RỊA

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2022-2023

LỚP: 12A4

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚPc	LỚP	Toán	Lí	Hóa	Sinh	Văn	Sử	Địa	Anh	ĐTB	HL	HK	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Trâm Anh	11A5	**12A4**	6,9	8,6	7,8	8,7	8,4	8,2	8,3	7,0	**8,4**	Giỏi	Tốt	
2	Hồ Viết Bằng	11A5	**12A4**	7,9	8,8	8,2	8,5	7,4	7,7	8,3	7,3	**8,6**	Khá	Tốt	
3	Châu Gia Bảo	11A3	**12A4**	6,7	6,9	7,5	6,2	5,0	7,0	6,9	6,9	**7,4**	Khá	Khá	
4	Phạm Huỳnh Gia Bảo	11A5	**12A4**	7,8	9,3	8,8	8,3	7,5	8,4	8,8	7,7	**8,7**	Khá	Tốt	
5	Nguyễn Duy Bình	11A4	**12A4**	7,8	8,6	7,7	7,3	7,0	8,2	7,5	8,0	**8**	Giỏi	Tốt	
6	Phạm Ngọc Gia Hân	11A4	**12A4**	8,5	8,7	8,3	8,4	8,0	9,2	8,4	8,4	**9**	Giỏi	Tốt	
7	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	11A4	**12A4**	8,0	9,0	7,5	8,1	7,2	7,9	8,4	7,9	**8,4**	Giỏi	Tốt	
8	Võ Hồ Ngọc Hiếu	11A4	**12A4**	7,3	8,2	8,1	7,6	6,5	8,3	7,8	8,2	**8,1**	Giỏi	Tốt	
9	Đỗ Huy Hoàng	11A4	**12A4**	8,4	9,3	8,1	7,4	6,7	9,1	8,7	8,1	**8,5**	Giỏi	Tốt	
10	Nguyễn Đăng Huy	11A4	**12A4**	8,2	8,8	7,4	7,5	6,5	8,1	7,9	8,9	**8,3**	Giỏi	Tốt	
11	Nguyễn Mạnh Khải	11A5	**12A4**	6,9	7,2	6,5	7,8	5,9	6,6	8,2	7,9	**7,6**	Khá	Khá	
12	Nguyễn Đăng Khoa	11A4	**12A4**	6,9	6,9	6,9	7,0	6,3	7,5	6,6	7,4	**7,2**	Khá	Tốt	
13	Phạm Anh Khoa	11A5	**12A4**	7,4	8,8	7,9	8,5	6,3	8,4	8,4	8,1	**8,6**	Khá	Tốt	
14	Hoàng Thị Khánh Linh	11A4	**12A4**	8,3	9,2	8,2	8,6	7,6	8,6	8,4	8,6	**8,8**	Giỏi	Tốt	
15	Nguyễn Huỳnh Thanh Lộc	11A4	**12A4**	5,1	5,6	5,8	6,8	6,4	7,4	6,7	5,9	**6,6**	TB	Tốt	
16	Hoàng Thị Kim My	11A4	**12A4**	8,0	7,8	6,9	6,3	7,7	8,3	7,5	7,7	**7,9**	Khá	Tốt	
17	Bùi Duy Nam	11A5	**12A4**	5,9	6,9	6,0	7,4	6,0	7,4	6,7	7,3	**7,3**	Khá	Tốt	
18	Nguyễn Thanh Ngân	11A4	**12A4**	7,6	8,8	7,9	7,6	7,2	8,3	7,7	8,2	**8,2**	Giỏi	Tốt	
19	Võ Mộng Thanh Ngân	11A4	**12A4**	7,0	8,2	7,1	7,4	6,4	8,0	7,4	6,9	**7,4**	Khá	Tốt	
20	Nguyễn Thành Nghĩa	11A4	**12A4**	7,7	7,7	7,6	7,8	6,8	9,0	7,8	8,1	**8,3**	Giỏi	Tốt	
21	Nguyễn Trọng Nhân	11A4	**12A4**	9,4	9,3	8,1	8,5	6,6	8,9	8,3	8,0	**8,9**	Giỏi	Tốt	
22	Nguyễn Minh Nhật	11A4	**12A4**	9,2	8,3	8,5	8,5	6,7	8,8	8,0	8,3	**8,8**	Giỏi	Tốt	
23	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	11A4	**12A4**	8,4	8,8	7,9	8,2	7,4	8,7	7,5	9,1	**8,7**	Giỏi	Tốt	
24	Nguyễn Nguyệt Nhi	11A4	**12A4**	5,8	7,4	6,8	7,6	6,0	7,4	7,8	7,5	**7,6**	Khá	Tốt	
25	Bùi Thụy Yến Nhi	11A5	**12A4**	7,6	7,9	8,1	7,8	7,5	7,6	7,2	8,0	**8,2**	Giỏi	Tốt	
26	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	11A5	**12A4**	7,3	8,1	7,4	8,2	7,3	7,4	7,7	6,9	**8**	Khá	Tốt	
27	Nguyễn Kim Oanh	11A5	**12A4**	6,0	7,9	6,1	8,3	7,2	7,9	8,5	7,2	**8**	Khá	Tốt	
28	Bùi Thiên Phú	11A4	**12A4**	6,3	5,7	5,3	7,0	5,1	6,7	7,2	6,9	**6,7**	Khá	Khá	
29	Nguyễn Trần Trọng Phúc	11A4	**12A4**	7,9	8,4	7,6	8,3	6,6	8,7	7,3	9,1	**8,4**	Giỏi	Tốt	
30	Lê Nguyễn Như Quỳnh	11A5	**12A4**	7,1	8,4	7,2	8,0	7,1	7,7	7,9	7,3	**8**	Khá	Tốt	
31	Trần Đình Sang	11A4	**12A4**	8,0	8,8	7,8	7,9	5,8	8,3	8,0	7,9	**8,1**	Khá	Tốt	
32	Lê Đức Gia Thịnh	11A5	**12A4**	7,4	8,3	7,2	7,8	6,4	7,3	7,9	7,0	**8**	Khá	Tốt	
33	Lê Đỗ Thùy Trang	11A4	**12A4**	9,0	9,5	8,5	8,4	8,3	9,1	8,2	9,5	**9,2**	Giỏi	Tốt	
34	Phạm Nguyễn Phương Trúc	11A5	**12A4**	7,9	8,9	7,9	8,6	7,0	7,8	7,9	7,5	**8,5**	Khá	Tốt	
35	Hoàng Nguyễn Kim Yến	11A5	**12A4**	7,1	8,4	7,4	7,6	7,3	8,6	7,9	7,3	**8,3**	Khá	Tốt	
36															
37															
38															
39															
40															
41															
42															
43															
44															
45															

SỞ GD&ĐT BÀ RỊA VŨNG TÀU

TRƯỜNG THPT BÀ RỊA

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2022-2023

LỚP: 12A5

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚPc	LỚP	Toán	Lí	Hóa	Sinh	Văn	Sử	Địa	Anh	ĐTB	HL	HK	Ghi chú
1	Giang Công Tuấn Anh	11A6	**12A5**	8,0	8,5	7,7	8,0	7,3	8,5	8,0	7,4	**8**	Giỏi	Tốt	
2	Nguyễn Hoàng Tuấn Anh	11A6	**12A5**	8,3	9,1	7,9	8,5	6,9	8,4	7,8	7,3	**8,2**	Giỏi	Tốt	
3	Nguyễn Ngọc Phương Anh	11A6	**12A5**	8,8	9,1	8,6	8,4	6,8	8,6	8,6	8,6	**8,5**	Giỏi	Tốt	
4	Đinh Thị Quỳnh Anh	11A7	**12A5**	9,1	8,4	9,0	8,7	7,1	8,4	8,5	8,1	**8,6**	Giỏi	Tốt	
5	Lê Ngọc Quỳnh Anh	11A6	**12A5**	7,9	7,2	7,1	7,4	6,8	7,1	7,1	6,2	**7,4**	Khá	Khá	
6	Nguyễn Thành Công	11A6	**12A5**	7,7	8,1	6,9	7,4	7,3	7,4	7,6	6,5	**7,7**	Khá	Tốt	
7	Lê Bật Chí Dũng	11A6	**12A5**	8,0	7,3	6,1	7,8	6,5	7,1	7,3	5,5	**7,2**	Khá	Tốt	
8	Huỳnh Kim Duyên	11A6	**12A5**	6,7	7,8	7,0	7,7	7,0	7,7	7,3	6,3	**7,4**	Khá	Khá	
9	Phạm Thành Đạt	11A6	**12A5**	6,8	6,7	6,6	7,8	6,7	7,7	7,3	6,9	**7,3**	Khá	Tốt	
10	Văng Thị Ngọc Điệp	11A7	**12A5**	7,8	8,0	7,9	7,6	7,1	7,3	7,3	6,5	**7,7**	Khá	Tốt	
11	Nguyễn Minh Đức	11A6	**12A5**	7,9	8,0	7,4	7,8	6,0	7,5	7,1	7,3	**7,5**	Khá	Tốt	
12	Nguyễn Danh Hiếu	11A6	**12A5**	7,3	7,8	7,1	7,7	6,8	7,2	7,7	7,1	**7,6**	Khá	Tốt	
13	Sầm Quốc Hiếu	11A6	**12A5**	8,0	8,3	7,6	7,2	6,3	7,4	7,3	7,0	**7,7**	Khá	Tốt	
14	Nguyễn Quốc Hùng	11A7	**12A5**	9,0	8,0	8,0	8,8	7,5	8,5	9,0	7,9	**8,6**	Giỏi	Tốt	
15	Hoàng Lý Tiến Hưng	11A6	**12A5**	7,0	8,1	6,5	7,9	6,1	7,2	7,8	7,3	**7,7**	Khá	Tốt	
16	Phạm Trần Thạch Lâm	11A7	**12A5**	7,4	7,4	8,1	8,0	6,0	7,5	8,4	7,8	**8,1**	Khá	Tốt	
17	Nguyễn Thành Lợi	11A7	**12A5**	7,3	7,1	7,0	7,1	5,2	6,5	7,0	5,9	**6,9**	Khá	Tốt	
18	Lê Thị Nhật Minh	11A6	**12A5**	9,0	9,5	9,2	8,5	8,0	8,9	8,8	8,3	**8,9**	Giỏi	Tốt	
19	Nguyễn Công Minh	11A6	**12A5**	6,8	7,2	6,1	6,9	6,9	7,1	7,1	5,7	**7**	Khá	Tốt	
20	Lê Ngọc Trà My	11A7	**12A5**	8,5	8,0	8,1	8,5	7,2	8,2	7,7	7,5	**8,3**	Giỏi	Tốt	
21	Lê Thị Kim Ngân	11A6	**12A5**	9,3	9,6	9,3	8,8	7,7	8,5	9,0	8,8	**9**	Giỏi	Tốt	
22	Nguyễn Thị Tố Ngân	11A6	**12A5**	8,8	9,5	9,3	9,0	8,3	8,9	9,1	8,5	**9**	Giỏi	Tốt	
23	Bùi Công Phúc	11A6	**12A5**	7,3	7,6	6,6	7,1	6,0	7,5	6,9	6,5	**7,3**	Khá	Tốt	
24	Lê Trí Phúc	11A6	**12A5**	8,4	9,2	7,8	8,1	6,8	7,8	8,3	6,8	**8,2**	Giỏi	Tốt	
25	Nguyễn Thanh Phúc	11A6	**12A5**	8,5	9,1	7,6	7,6	6,4	8,3	7,5	7,9	**8,1**	Khá	Tốt	
26	Nguyễn Thụy Yến Phương	11A6	**12A5**	7,1	7,8	6,9	7,7	7,0	7,1	6,8	6,4	**7,4**	Khá	Tốt	
27	Nguyễn Ngô Như Quỳnh	11A6	**12A5**	8,3	9,2	8,3	8,6	8,4	8,6	8,2	8,6	**8,7**	Giỏi	Tốt	
28	Phạm Ngọc Trúc Quỳnh	11A7	**12A5**	6,8	7,7	7,8	8,1	7,1	8,0	7,8	6,6	**7,9**	Khá	Tốt	
29	Đào Diễm Quỳnh	11A10	**12A5**	9,3	9,2	8,5	8,6	8,1	9,0	8,6	9,5	**8,8**	Giỏi	Tốt	
30	Nguyễn Đỗ Thành Tài	11A6	**12A5**	6,4	8,3	6,9	7,4	7,4	7,5	7,8	8,0	**7,7**	Khá	Tốt	
31	Trần Nguyễn Quyết Thắng	11A7	**12A5**	8,0	7,0	7,4	7,9	5,3	7,4	7,9	7,6	**7,6**	Khá	Tốt	
32	Nguyễn Trí Thanh	11A6	**12A5**	7,6	9,0	7,8	8,5	6,4	8,1	8,8	6,6	**8,1**	Khá	Tốt	
33	Võ Minh Thành	11A6	**12A5**	7,8	9,1	8,0	7,7	7,2	8,3	7,6	7,1	**8,1**	Khá	Tốt	
34	Lê Thái Thạnh	11A6	**12A5**	7,7	8,6	7,2	7,6	6,8	8,0	7,3	7,3	**7,7**	Khá	Tốt	
35	Hoàng Thục Trang	11A6	**12A5**	7,7	9,5	8,4	8,5	7,7	8,6	8,3	8,5	**8,5**	Giỏi	Tốt	
36	Vũ Thu Trang	11A6	**12A5**	9	9,5	9	8,6	7,7	8	8;7	8,7	**8,8**	Giỏi	Tốt	
37	Phạm Hoàng Trình	11A6	**12A5**	6,2	7,8	6	7,5	6,8	7,9	7,8	6,2	**7,3**	Khá	Tốt	
38	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	11A6	**12A5**	7,5	6,8	7,6	6,2	6,2	6,6	6,4	6	**7**	Khá	Tốt	
39	Nguyễn Thị Tường Vy	11A6	**12A5**	8	8,1	6,6	7,3	7,3	8,2	7,4	6,7	**7,6**	Khá	Tốt	
40	Trần Dương Bảo Yến	**11A7**	**12A5**	7,7	7,5	8,3	8,2	7,7	8,7	7,7	7,7	**8,3**	Khá	Tốt	
41	Lê Hoàng Hải Yến	11A7	**12A5**	7,1	8	8,1	8,2	7,4	8,7	7,6	7,9	**8,1**	Khá	Tốt	
42															
43															
44															
45															

SỞ GD&ĐT BÀ RỊA VŨNG TÀU

TRƯỜNG THPT BÀ RỊA

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2022-2023

LỚP: 12A6

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚPc	LỚP	Toán	Lí	Hóa	Sinh	Văn	Sử	Địa	Anh	ĐTB	HL	HK	Ghi chú
1	Nguyễn Thiện Khánh An	11A8	**12A6**	7,4	8,4	7,7	8,2	7,5	8,5	7,5	7,8	**8,1**	Khá	Tốt	
2	Thái Thị Thùy An	11A8	**12A6**	6,6	8,7	7,3	7,8	7,5	8,0	7,7	7,8	**7,9**	Khá	Tốt	
3	Dương Gia Bảo	11A7	**12A6**	6,7	7,0	6,6	6,8	6,1	6,4	5,9	5,5	**6,6**	Khá	Tốt	
4	Nguyễn Hoàng Bảo	11A8	**12A6**	7,7	8,8	7,7	8,6	6,8	8,4	8,0	7,8	**8,1**	Khá	Tốt	
5	Tào Diệp Thanh Bình	11A8	**12A6**	7,2	7,7	6,7	7,9	6,9	7,6	7,9	7,1	**7,6**	Khá	Tốt	
6	Trần Thị Kim Chi	11A8	**12A6**	8,4	8,7	8,1	8,8	8,3	8,7	8,0	8,2	**8,5**	Giỏi	Tốt	
7	Nguyễn Đình Duy	11A8	**12A6**	6,5	6,9	6,2	6,9	6,2	6,5	6,6	6,4	**6,8**	Khá	Tốt	
8	Phạm Tiến Đạt	11A7	**12A6**	6,6	7,1	6,4	7,6	6,2	8,1	7,1	6,6	**7,3**	Khá	Tốt	
9	Lê Đình Hải	11A7	**12A6**	5,8	7,5	7,0	7,2	6,2	7,5	7,8	6,8	**7,5**	Khá	Khá	
10	Phạm Đào Ngọc Hân	11A8	**12A6**	5,6	8,1	6,5	7,3	7,0	7,3	6,9	7,8	**7,2**	Khá	Tốt	
11	Lê Thị Trung Hiếu	11A8	**12A6**	8,0	8,6	7,9	8,2	7,4	8,3	7,6	8,3	**8,2**	Giỏi	Tốt	
12	Nguyễn Quốc Hưng	11A7	**12A6**	6,7	7,7	8,3	7,7	6,0	7,6	7,6	6,7	**7,7**	Khá	Tốt	
13	Ngô Nguyễn Thu Hương	11A8	**12A6**	7,7	8,1	7,8	8,1	7,0	7,9	7,8	6,9	**8**	Khá	Tốt	
14	Phạm Thanh Khải	11A7	**12A6**	6,9	6,8	6,6	7,2	6,0	6,9	6,8	6,8	**7,3**	Khá	Khá	
15	Trần Anh Kiệt	11A8	**12A6**	7,0	8,1	6,7	8,0	6,9	7,9	7,5	7,4	**7,8**	Khá	Tốt	
16	Nguyễn Ngọc Lâm	11A8	**12A6**	7,2	7,4	6,9	8,2	5,7	7,6	6,5	6,7	**7,3**	Khá	Tốt	
17	Phạm Hoàng Bích Ngân	11A8	**12A6**	6,9	7,2	6,6	7,7	6,3	7,3	6,8	7,9	**7,6**	Khá	Tốt	
18	Nguyễn Hoài Ngọc	11A8	**12A6**	9,1	9,3	8,3	8,5	8,3	9,0	8,4	7,8	**8,8**	Giỏi	Tốt	
19	Phạm Thị Yến Ngọc	11A7	**12A6**	8,8	8,1	8,3	8,3	8,3	8,5	8,0	7,4	**8,4**	Giỏi	Tốt	
20	Nguyễn Tú Nhi	11A7	**12A6**	6,2	6,7	7,1	7,6	6,2	7,4	7,6	7,1	**7,4**	Khá	Tốt	
21	Vũ Hoàng Yến Nhi	11A8	**12A6**	7,1	7,6	7,2	8,1	7,0	7,7	7,8	7,2	**7,8**	Khá	Tốt	
22	Lê Nguyễn Quỳnh Như	11A8	**12A6**	6,8	8,4	7,1	7,5	7,0	8,0	7,0	6,6	**7,7**	Khá	Tốt	
23	Nguyễn Ngọc Hoàng Oanh	11A8	**12A6**	6,1	7,6	7,2	7,6	5,8	7,8	7,1	6,7	**7,4**	Khá	Tốt	
24	Thôi Đại Phát	11A7	**12A6**	8,2	8,3	8,8	8,3	7,3	8,1	8,5	7,0	**8,4**	Giỏi	Tốt	
25	Đặng Văn Phước	11A8	**12A6**	8,7	8,8	7,7	8,3	6,8	8,5	8,5	8,0	**8,4**	Giỏi	Tốt	
26	Nguyễn Thị Hồng Phương	11A8	**12A6**	7,6	7,5	7,2	7,9	6,7	8,0	7,7	8,8	**7,9**	Khá	Tốt	
27	Lê Bá Nhật Quỳnh	11A8	**12A6**	9,1	9,6	7,7	8,5	8,0	9,0	8,7	8,8	**8,7**	Giỏi	Tốt	
28	Phạm Hồng Sơn	11A8	**12A6**	8,0	8,7	6,6	8,4	6,7	8,7	8,3	8,8	**8,1**	Giỏi	Tốt	
29	Trần Ánh Tâm	11A8	**12A6**	6,2	7,7	6,5	7,0	6,5	7,9	6,7	6,5	**7,2**	Khá	Tốt	
30	Nguyễn Quốc Thái	11A8	**12A6**	8,2	8,6	8,9	8,7	7,6	8,7	8,3	8,6	**8,5**	Giỏi	Tốt	
31	Nguyễn Hữu Thắng	11A7	**12A6**	6,7	6,8	7,0	7,7	5,8	7,9	8,0	6,1	**7,3**	Khá	Tốt	
32	Hoàng Phú Thịnh	11A7	**12A6**	6,8	7,9	7,1	7,8	6,5	7,5	8,0	6,8	**7,6**	Khá	Tốt	
33	Lê Diễm Phương Thy	11A8	**12A6**	6,8	8,6	7,2	7,7	6,8	7,9	7,0	6,1	**7,5**	Khá	Tốt	
34	Kim Thị Cẩm Tiên	11A7	**12A6**	7,6	7,9	7,8	7,8	7,7	7,9	8,1	8,1	**8,1**	Giỏi	Tốt	
35	Phạm Thị Bảo Trâm	11A8	**12A6**	8,9	9,0	8,7	8,7	7,4	8,8	8,3	9,0	**8,7**	Giỏi	Tốt	
36	Đỗ Thị Trang	11A8	**12A6**	7,1	8,4	7,3	7,1	7,3	7,2	7,1	7,5	**7,6**	Khá	Tốt	
37	Phạm Kim Tùng	11A8	**12A6**	6,9	7,7	6,4	6,8	6,3	6,9	7	7	**7,1**	Khá	Tốt	
38	Nguyễn Trần Vũ	11A7	**12A6**	8,3	7,6	8,3	7,9	7,9	8,6	8,1	8,4	**8,3**	Giỏi	Tốt	
39	Nguyễn Vũ Tường Vy	11A6	**12A6**	6,9	8,7	7,4	7,7	6,6	7,6	7,9	7	**7,8**	Khá	Tốt	
40	Nguyễn Nữ Ngọc Vy	**11A8**	**12A6**	8,5	8,8	8,4	8,3	7,2	9,0	8,5	8,9	**8,5**	Giỏi	Tốt	
41	Lê Huỳnh Yến Vy	11A10	**12A6**	8,1	9,4	8,6	8,5	8,6	8,7	8,5	8,6	**8,7**	Giỏi	Tốt	
42															
43															
44															
45															

SỞ GD&ĐT BÀ RỊA VŨNG TÀU

TRƯỜNG THPT BÀ RỊA

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2022-2023

LỚP: 12A7

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚPc	LỚP	Toán	Lí	Hóa	Sinh	Văn	Sử	Địa	Anh	ĐTB	HL	HK	Ghi chú
1	Hứa Ngọc Tuyết Anh	11A9	**12A7**	6,8	7,9	7,6	7,3	6,8	7,9	7,4	7,9	**7,7**	Khá	Tốt	
2	Nguyễn Trọng Anh	11A10	**12A7**	7,8	8,8	7,7	7,6	6,6	8,1	8,2	6,3	**7,8**	Khá	Tốt	
3	Nguyễn Lưu Gia Bảo	11A9	**12A7**	6,8	7,0	7,5	6,5	6,5	7,0	7,6	6,8	**7,3**	Khá	Khá	
4	Lê Minh Chí	11A9	**12A7**	7,4	6,7	7,6	7,2	7,3	7,4	6,4	7,0	**7,4**	Khá	Khá	
5	Nguyễn Hùng Cường	11A9	**12A7**	8,0	7,4	7,6	8,0	7,9	7,8	8,3	7,0	**8**	Giỏi	Tốt	
6	Nguyễn Thành Dương	11A9	**12A7**	8,0	8,0	8,6	7,8	7,8	7,8	7,7	7,8	**8,1**	Giỏi	Tốt	
7	Phạm Quỳnh Giao	11A9	**12A7**	7,0	8,0	7,7	8,0	8,2	8,4	8,1	8,6	**8,1**	Giỏi	Tốt	
8	Võ Thị Helen	11A10	**12A7**	7,4	8,8	7,2	7,9	6,6	8,5	8,2	7,9	**8,1**	Khá	Tốt	
9	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	11A9	**12A7**	8,8	8,9	8,9	8,7	8,6	8,9	8,8	8,4	**8,8**	Giỏi	Tốt	
10	Võ Gia Hưng	11A9	**12A7**	7,0	8,0	8,4	7,7	7,3	8,5	8,3	8,0	**8,1**	Giỏi	Tốt	
11	Vũ Thị Quỳnh Hương	11A9	**12A7**	8,3	8,3	8,1	7,9	8,1	8,7	8,2	8,6	**8,4**	Giỏi	Tốt	
12	Phạm Gia Huy	11A9	**12A7**	8,0	6,3	8,1	7,5	7,6	7,4	7,5	7,0	**7,6**	Khá	Tốt	
13	Trần Văn Huy	11A9	**12A7**	7,8	6,9	6,6	7,5	6,9	7,7	7,8	6,8	**7,6**	Khá	Tốt	
14	Vũ Quốc Huy	11A9	**12A7**	7,0	7,4	6,5	7,6	6,9	8,7	7,3	8,1	**7,8**	Khá	Tốt	
15	Trần Thạch Bảo Khanh	11A9	**12A7**	7,8	8,9	7,6	7,9	6,7	8,8	7,8	7,7	**8,3**	Khá	Tốt	
16	Bùi Lê Đăng Khoa	11A9	**12A7**	7,2	7,3	6,7	8,2	7,2	7,5	7,4	9,0	**8**	Giỏi	Tốt	
17	Nguyễn Thị Yến Linh	11A9	**12A7**	6,2	6,3	7,2	7,7	6,8	7,3	7,3	7,0	**7,2**	Khá	Tốt	
18	Trần Thùy Linh	11A9	**12A7**	7,6	8,1	8,3	8,1	8,0	8,4	7,5	7,6	**8,1**	Giỏi	Tốt	
19	Nguyễn Hoàng Long	11A9	**12A7**	7,6	8,6	8,1	7,6	7,4	8,1	7,9	7,2	**8**	Khá	Tốt	
20	Tô Thị Huỳnh Mai	11A9	**12A7**	7,8	7,4	7,9	8,1	8,3	8,5	8,0	7,1	**8**	Giỏi	Tốt	
21	Nguyễn Hoàng Minh	11A9	**12A7**	6,9	6,7	6,8	7,2	6,9	7,8	6,9	6,2	**7,4**	Khá	Tốt	
22	Lê Bá Minh	11A7	**12A7**	6,5	6,5	7,3	8,3	5,5	7,0	7,8	6,5	**7,3**	Khá	Khá	
23	Trương Tiểu My	11A9	**12A7**	7,7	7,6	8,6	8,1	8,2	9,2	7,7	7,9	**8,3**	Giỏi	Tốt	
24	Lê Nguyễn Hoàn Mỹ	11A10	**12A7**	7,2	8,5	7,8	7,4	6,8	7,5	7,8	7,9	**7,8**	Khá	Tốt	
25	Quách Thị Hằng Nga	11A9	**12A7**	7,6	8,5	7,9	8,1	7,8	8,9	8,6	7,6	**8,3**	Khá	Tốt	
26	Phạm Ngọc Thanh Ngân	11A10	**12A7**	8,2	9,1	7,6	7,4	5,9	8,0	7,2	7,6	**7,8**	Khá	Tốt	
27	Vũ Thị Thanh Nghĩa	11A9	**12A7**	7,6	8,0	8,5	8,1	8,4	8,2	8,5	7,8	**8,3**	Giỏi	Tốt	
28	Nguyễn Thanh Quyên	11A10	**12A7**	7,6	9,0	8,3	8,4	7,0	8,5	8,5	8,8	**8,2**	Giỏi	Tốt	
29	Dương Huỳnh Thảo Sương	11A7	**12A7**	6,8	8,0	8,4	8,0	7,2	8,1	8,1	7,6	**8,1**	Khá	Tốt	
30	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	11A10	**12A7**	6,9	7,6	7,3	8,0	7,2	8,3	7,4	7,4	**7,7**	Khá	Tốt	
31	Trần Lê Đức Thắng	11A9	**12A7**	7,0	6,4	7,6	7,6	6,4	6,7	6,7	7,8	**7,3**	Khá	Tốt	
32	Trần Tấn Thành	11A9	**12A7**	7,6	7,4	7,6	7,8	7,0	7,5	7,7	7,8	**7,8**	Khá	Tốt	
33	Nguyễn Mai Thảo	11A9	**12A7**	8,6	8,6	8,2	8,3	8,1	8,8	8,1	8,2	**8,6**	Giỏi	Tốt	
34	Trần Thị Thanh Thảo	11A9	**12A7**	7,1	8,2	7,2	8,0	7,1	8,1	7,4	7,2	**7,9**	Khá	Tốt	
35	Đỗ Thị Minh Thư	11A9	**12A7**	6,6	7,0	7,6	7,1	7,4	8,1	7,1	7,1	**7,6**	Khá	Tốt	
36	Cao Thị Diễm Thương	11A9	**12A7**	8	7,8	7,8	7,7	7,4	7,8	7,1	7,8	**8**	Giỏi	Tốt	
37	Nguyễn Trọng Tiến	11A9	**12A7**	7,3	8,8	7,5	7,7	7,5	8,6	8	7,8	**8,2**	Khá	Tốt	
38	Phạm Đăng Tiến	11A9	**12A7**	7,3	7,4	7,2	7,9	7,2	7,5	7,4	7,6	**7,8**	Khá	Tốt	
39	Lê Văn Tiến	11A10	**12A7**	6,8	8,4	6,9	7,2	6	7,9	6,9	7	**7,4**	Khá	Tốt	
40	Nguyễn Đình Minh Tuyền	**11A10**	**12A7**	6,2	7,6	6,9	7,0	6,1	7,8	7,3	6,5	**7,3**	Khá	Tốt	
41															
42															
43															
44															
45															

SỞ GD&ĐT BÀ RỊA VŨNG TÀU

TRƯỜNG THPT BÀ RỊA

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2022-2023

LỚP: 12A8

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚPc	LỚP	Toán	Lí	Hóa	Sinh	Văn	Sử	Địa	Anh	ĐTB	HL	HK	Ghi chú
1	Trịnh Thị Xuân Anh	11A3	**12A8**	7,7	8,3	6,7	7,7	7,5	9,0	7,7	7,7	**8,1**	Khá	Tốt	
2	Nguyễn Ngọc Lan Anh	11A4	**12A8**	5,9	6,3	6,3	7,0	7,0	7,3	6,7	7,4	**7,3**	Khá	Tốt	
3	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	11A4	**12A8**	6,7	7,3	6,8	7,8	7,1	8,2	7,5	8,1	**7,8**	Khá	Tốt	
4	Hoàng Ngọc Ánh	11A5	**12A8**	8,2	9,4	8,2	9,0	7,8	9,0	8,5	8,4	**9**	Giỏi	Tốt	
5	Cao Kỳ Duyên	11A3	**12A8**	8,1	8,8	8,9	8,9	7,8	8,7	8,5	8,1	**8,9**	Giỏi	Tốt	
6	Trịnh Thị Hương Giang	11A5	**12A8**	7,6	8,0	7,0	8,2	7,1	8,4	7,5	7,4	**8,1**	Khá	Tốt	
7	Trần Nguyễn Nhật Hải	11A5	**12A8**	5,7	7,2	6,5	7,0	4,5	7,2	6,7	6,2	**6,9**	TB	Khá	
8	Dương Ngọc Hạnh	11A4	**12A8**	6,8	8,4	7,2	7,4	6,8	8,1	7,7	7,2	**7,8**	Khá	Tốt	
9	Nguyễn Sỹ Hoàng	11A5	**12A8**	6,7	8,4	7,9	8,2	7,2	8,3	8,0	6,3	**8,3**	Khá	Tốt	
10	Ngô Bảo Huy	11A4	**12A8**	6,8	6,6	7,0	6,8	6,2	7,1	6,8	5,5	**7,3**	Khá	Tốt	
11	Nguyễn Đức Trường Khang	11A3	**12A8**	7,0	7,8	6,5	6,8	6,1	7,7	7,9	7,2	**7,7**	Khá	Tốt	
12	Võ Hoàng Thiên Lý	11A4	**12A8**	7,4	7,7	7,4	7,8	7,2	8,2	7,4	7,4	**8,1**	Khá	Tốt	
13	Nguyễn Hữu Trí Mạnh	11A4	**12A8**	6,3	6,6	6,0	6,7	5,7	7,4	7,3	6,9	**7,2**	Khá	Tốt	
14	Tô Thị Trà My	11A4	**12A8**	7,7	8,8	7,9	8,2	8,0	9,6	9,3	8,5	**8,8**	Giỏi	Tốt	
15	Nguyễn Hoàng Kim Ngân	11A5	**12A8**	6,9	7,8	6,2	7,4	7,0	7,5	7,1	7,2	**7,7**	Khá	Tốt	
16	Cao Như Ngọc	11A3	**12A8**	8,0	7,9	8,0	8,1	6,7	7,7	8,2	7,3	**8,4**	Giỏi	Tốt	
17	Hồ Minh Nguyệt	11A5	**12A8**	7,1	8,0	6,3	7,9	7,5	8,1	7,6	7,0	**7,9**	Khá	Tốt	
18	Phạm Hoàng Yến Nhi	11A3	**12A8**	7,4	7,5	7,7	7,1	5,7	7,3	7,4	7,2	**7,8**	Khá	Tốt	
19	Lưu Linh Nhi	11A4	**12A8**	6,9	7,6	7,5	7,7	6,9	8,6	8,3	7,2	**8,1**	Khá	Tốt	
20	Nguyễn Thị Tú Nhi	11A4	**12A8**	6,6	7,4	7,3	7,2	7,2	7,5	7,8	7,4	**7,8**	Khá	Tốt	
21	Nguyễn Hoàng Uyên Nhi	11A5	**12A8**	7,2	8,7	7,6	8,9	7,9	8,4	8,6	7,6	**8,6**	Khá	Tốt	
22	Trần Yến Nhi	11A5	**12A8**	7,5	7,3	7,3	7,1	6,5	7,7	7,4	6,9	**7,7**	Khá	Tốt	
23	Đỗ Nguyễn Tâm Như	11A5	**12A8**	7,3	8,6	7,6	8,1	7,4	8,5	8,1	6,7	**8,5**	Khá	Tốt	
24	Đào Minh Nhựt	11A5	**12A8**	7,6	9,0	7,7	8,3	7,6	7,8	8,1	7,4	**8,4**	Khá	Tốt	
25	Nguyễn Kim Phương	11A3	**12A8**	7,6	9,1	8,2	8,2	7,2	8,6	8,0	8,6	**8,7**	Giỏi	Tốt	
26	Mai Nguyễn Uyên Phương	11A4	**12A8**	8,4	8,6	8,2	8,9	7,2	9,1	8,3	8,7	**8,8**	Giỏi	Tốt	
27	Lê Đào Bích Phượng	11A4	**12A8**	8,0	9,1	7,5	8,0	7,0	8,3	8,0	8,4	**8,5**	Giỏi	Tốt	
28	Trần Đặng Hương Quỳnh	11A4	**12A8**	7,0	9,0	8,1	8,5	7,6	8,6	8,1	8,6	**8,5**	Giỏi	Tốt	
29	Võ Ngọc Như Quỳnh	11A5	**12A8**	7,8	8,7	7,4	8,6	6,9	7,7	8,3	7,5	**8,5**	Khá	Tốt	
30	Bùi Võ Khánh Sương	11A4	**12A8**	8,3	8,6	8,2	8,7	7,2	8,4	8,2	8,2	**8,6**	Giỏi	Tốt	
31	Trần Anh Thảo	11A3	**12A8**	8,1	7,7	7,8	8,6	8,0	8,6	8,3	7,4	**8,5**	Giỏi	Tốt	
32	Lê Thị Hoài Thu	11A5	**12A8**	8,3	8,3	8,6	8,2	7,9	8,6	8,2	8,0	**8,7**	Giỏi	Tốt	
33	Vũ Khánh Đinh Thư	11A3	**12A8**	5,7	6,1	4,7	6,5	6,9	7,2	7,3	6,8	**7,1**	TB	Tốt	
34	Lê Trần Minh Thư	11A4	**12A8**	7,1	8,4	7,6	7,2	6,8	7,9	6,8	7,4	**7,8**	Khá	Tốt	
35	Trần Nguyễn Anh Thư	11A4	**12A8**	7,0	7,6	7,5	7,0	7,5	7,5	7,1	8,7	**7,9**	Khá	Tốt	
36	Huỳnh Thị Thủy Tiên	11A3	**12A8**	8,1	9,1	8,3	8,5	7,5	8,8	8,7	8,6	**8,8**	Giỏi	Tốt	
37	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	11A3	**12A8**	7,4	9,1	8,4	7,8	7,5	7,4	7,3	7,6	**8,4**	Khá	Tốt	
38	Phạm Trần Minh Trân	11A4	**12A8**	5,8	6,6	7	6,7	6,1	6,9	6,8	6,1	**7,1**	TB	Tốt	
39	Nguyễn Đỗ Thùy Trang	11A5	**12A8**	7,3	9,2	8,4	8,3	7,9	8,4	7,9	8,4	**8,8**	Giỏi	Tốt	
40	Huỳnh Vũ Trí	**11A4**	**12A8**	6,4	7,2	6,9	7,1	6,5	7,2	7,4	7,4	**7,4**	Khá	Tốt	
41	Ngô Hoàng Yến	11A4	**12A8**	6,5	6,8	6,4	7,4	7	7,6	6,3	7,6	**7,5**	Khá	Tốt	
42															
43															
44															
45															

SỞ GD&ĐT BÀ RỊA VŨNG TÀU

TRƯỜNG THPT BÀ RỊA

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2022-2023

LỚP: 12A9

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚPc	LỚP	Toán	Lí	Hóa	Sinh	Văn	Sử	Địa	Anh	ĐTB	HL	HK	Ghi chú
1	Trần Quốc Anh	11A5	**12A9**	7,2	8,4	6,7	8,4	7,1	7,9	8,3	7,5	**8,2**	Khá	Tốt	
2	Nguyễn Thị Kim Anh	11A7	**12A9**	6,4	7,4	7,2	8,0	7,6	7,6	7,4	7,0	**7,7**	Khá	Tốt	
3	Nguyễn Thái Bảo	11A6	**12A9**	6,7	7,7	6,2	7,1	6,2	7,0	6,6	6,3	**7,1**	Khá	Khá	
4	Nguyễn Thị Ngọc Bình	11A7	**12A9**	7,7	7,5	7,6	8,2	6,8	7,6	7,6	7,9	**7,9**	Khá	Tốt	
5	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	11A7	**12A9**	6,1	6,7	7,4	7,6	6,7	7,8	6,9	7,9	**7,5**	Khá	Tốt	
6	Nguyễn Hoàng Thùy Dương	11A5	**12A9**	7,3	8,2	7,5	8,0	7,1	8,2	8,2	8,0	**8,3**	Giỏi	Tốt	
7	Đào Thái Dương	11A8	**12A9**	5,9	7,0	5,5	7,8	6,3	8,3	8,2	7,7	**7,3**	Khá	Tốt	
8	Lê Thùy Dương	11A9	**12A9**	7,7	7,6	7,4	7,8	7,9	8,0	7,5	7,2	**7,9**	Khá	Tốt	
9	Nguyễn Minh Đạt	11A7	**12A9**	5,0	7,8	6,9	7,7	5,0	7,3	6,7	7,0	**6,9**	Khá	Yếu	
10	Lê Ngọc Quỳnh Giang	11A6	**12A9**	6,8	6,3	6,6	6,8	6,3	7,5	6,1	7,1	**7,1**	Khá	Khá	
11	Nguyễn Minh Hiếu	11A7	**12A9**	6,6	6,6	7,2	7,5	5,9	7,7	7,9	6,3	**7,4**	Khá	Tốt	
12	Nguyễn Văn Hồng	11A7	**12A9**	4,9	6,3	5,5	7,2	5,5	7,2	7,6	5,1	**6,8**	TB	Tốt	
13	Nguyễn Trung Kiên	11A7	**12A9**	5,8	6,5	5,6	6,6	5,1	7,1	7,5	6,6	**6,9**	Khá	Tốt	
14	Nguyễn Tuấn Kiệt	11A1	**12A9**	5,0	6,3	5,5	7,4	7,1	7,5	7,1	7,7	**7,1**	Khá	Tốt	
15	Nguyễn Ngọc Tường Linh	11A7	**12A9**	7,1	7,9	7,3	8,2	6,7	8,2	7,8	7,7	**7,9**	Khá	Tốt	
16	Nguyễn Thụy Thảo My	11A9	**12A9**	7,7	6,3	7,8	8,1	7,2	7,5	7,3	7,3	**7,6**	Khá	Tốt	
17	Nguyễn Hồng Như Ngọc	11A9	**12A9**	6,5	6,8	6,7	8,3	7,5	7,9	7,5	7,8	**7,6**	Khá	Khá	
18	Lê Kiều Thảo Nguyên	11A6	**12A9**	7,2	7,9	6,3	7,9	6,3	7,7	7,1	6,6	**7,4**	Khá	Tốt	
19	Nguyễn Trọng Nhân	11A7	**12A9**	6,6	6,1	5,3	7,1	5,0	6,7	7,0	6,3	**6,9**	Khá	Tốt	
20	Đinh Nguyễn Yến Nhi	11A7	**12A9**	6,4	7,4	7,9	7,5	6,9	7,5	8,0	7,3	**7,8**	Khá	Tốt	
21	Hoàng Yến Nhi	11A8	**12A9**	7,6	8,5	7,4	7,9	7,0	8,1	7,8	7,6	**7,9**	Khá	Tốt	
22	Nguyễn Hồng Thảo Nhi	11A9	**12A9**	8,4	7,9	8,2	8,7	9,0	8,9	8,1	7,6	**8,5**	Giỏi	Tốt	
23	Hồ Nguyễn Hoàng Phi	11A8	**12A9**	8,3	8,3	7,6	8,6	7,2	8,2	7,4	7,6	**8,1**	Giỏi	Tốt	
24	Trần Thị Như Quỳnh	11A5	**12A9**	7,9	8,1	7,6	7,8	6,5	8,0	7,8	8,4	**8,2**	Giỏi	Tốt	
25	Nhữ Thái Sơn	11A7	**12A9**	5,7	7,1	6,7	8,0	6,5	7,2	7,7	6,6	**7,3**	Khá	Tốt	
26	Du Vĩnh Thành	11A7	**12A9**	7,1	7,8	7,5	7,4	6,9	7,3	8,2	6,6	**7,8**	Khá	Tốt	
27	Vũ Ngọc Thảo	11A8	**12A9**	8,2	7,2	7,7	8,1	8,0	8,9	8,0	6,5	**8,1**	Giỏi	Tốt	
28	Nguyễn Tâm Minh Thư	11A6	**12A9**	7,5	8,3	7,8	7,7	5,7	8,2	7,8	9,2	**8**	Khá	Tốt	
29	Nguyễn Đặng Minh Thư	11A7	**12A9**	8,6	8,3	8,8	8,2	8,5	8,7	8,7	8,2	**8,7**	Giỏi	Tốt	
30	Trần Ngọc Thuận	11A8	**12A9**	6,1	7,4	5,9	7,1	6,2	6,8	7,7	6,1	**7**	TB	Tốt	
31	Trần Lê Thanh Thy	11A3	**12A9**	7,1	6,5	6,7	6,6	5,9	6,6	7,5	5,9	**7**	Khá	Khá	
32	Đoàn Lê Phương Thy	11A4	**12A9**	7,5	7,7	7,9	7,8	7,2	8,9	7,9	8,4	**8,5**	Giỏi	Tốt	
33	Nguyễn Toàn	11A8	**12A9**	6,1	7,6	5,2	6,7	6,0	7,7	7,2	5,6	**7**	TB	Tốt	
34	Nguyễn Hồ Hữu Trí	11A8	**12A9**	6,0	7,4	6,3	7,5	6,2	7,1	6,7	7,3	**7,2**	Khá	Tốt	
35	Nguyễn Trần Tuyết Trinh	11A8	**12A9**	7,1	7,8	6,1	8,0	7,9	8,4	8,1	7,2	**7,8**	Khá	Tốt	
36	Nguyễn Thị Bích Tú	11A9	**12A9**	6,5	7	7,5	7,8	7,2	7,9	7,4	7,2	**7,6**	Khá	Tốt	
37	Lương Vũ Quỳnh Vy	11A7	**12A9**	7,5	7,6	6,8	7,9	7,6	8	8,1	8,6	**8,1**	Giỏi	Tốt	
38	Nguyễn Lê Yến Vy	11A8	**12A9**	7,6	8,3	7,4	7,4	7,1	7,5	7,2	6,1	**7,6**	Khá	Tốt	
39	Lê Thị Hồng Xinh	11A7	**12A9**	9,2	9,5	9,3	9,3	8,7	9,3	9,2	9	**9,2**	Giỏi	Tốt	
40	Lê Vũ Kim Xuân	**11A8**	**12A9**	6,9	8,3	7,0	8,1	8,0	8,5	7,7	9,2	**8**	Giỏi	Tốt	
41	Phạm Lê Hoàng Yến	11A8	**12A9**	6,8	7,5	6,9	7,6	6,5	8	7,5	7,4	**7,5**	Khá	Tốt	
42															
43															
44															
45															

SỞ GD&ĐT BÀ RỊA VŨNG TÀU

TRƯỜNG THPT BÀ RỊA

DANH SÁCH HỌC SINH NĂM HỌC 2022-2023

LỚP: 12A10

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚPc	LỚP	Toán	Lí	Hóa	Sinh	Văn	Sử	Địa	Anh	ĐTB	HL	HK	Ghi chú
1	Lê Thị Vân Anh	11A10	**12A10**	7,7	8,6	7,9	8,2	7,1	8,5	8,2	8,1	**8,2**	Giỏi	Tốt	
2	Nguyễn Văn Đạt	11A10	**12A10**	6,9	8,3	6,5	7,4	6,7	8,5	7,3	7,8	**7,6**	Khá	Tốt	
3	Trần Phước Đường	11A5	**12A10**	7,1	7,9	7,6	7,5	6,1	7,4	7,6	7,0	**7,8**	Khá	Tốt	
4	Nguyễn Thị Ngọc Hân	11A5	**12A10**	7,1	8,4	7,6	8,1	6,8	7,9	7,4	8,0	**8,3**	Giỏi	Tốt	
5	Nguyễn Thị Ngọc Hân	11A6	**12A10**	6,7	7,2	6,3	7,3	6,7	6,9	6,6	7,5	**7,3**	Khá	Tốt	
6	Đinh Gia Hân	11A10	**12A10**	6,7	8,0	7,5	7,8	6,6	8,4	8,2	6,7	**7,7**	Khá	Tốt	
7	Nguyễn Thanh Ngọc Hân	11A4	**12A10**	5,3	6,0	6,0	6,9	5,8	6,8	6,7	5,7	**6,7**	TB	Khá	
8	Nguyễn Trần Thu Hương	11A10	**12A10**	7,5	9,1	7,8	7,9	8,4	8,3	8,1	8,2	**8,3**	Giỏi	Tốt	
9	Nguyễn Phương Huyền	11A10	**12A10**	6,8	8,6	7,4	7,4	7,4	8,5	8,0	7,7	**8**	Khá	Tốt	
10	Nguyễn Như Huỳnh	11A5	**12A10**	7,1	8,4	6,8	8,2	6,6	7,7	7,9	7,3	**8**	Khá	Tốt	
11	Võ Chí Khanh	11A5	**12A10**	6,8	8,4	7,6	8,4	6,6	8,2	8,0	8,4	**8,3**	Giỏi	Tốt	
12	Lê Võ Anh Khoa	11A10	**12A10**	6,8	8,1	7,8	7,5	6,7	7,5	7,5	6,6	**7,7**	Khá	Tốt	
13	Vũ Hồng Lan	11A10	**12A10**	7,1	8,7	7,6	7,8	7,1	8,4	7,6	7,5	**7,9**	Khá	Tốt	
14	Nguyễn Thang Trúc Ly	11A10	**12A10**	6,3	7,1	6,6	6,1	5,6	7,4	6,8	5,4	**6,9**	TB	Tốt	
15	Nguyễn Hoàng Đông Minh	11A10	**12A10**	7,0	8,7	7,1	8,0	6,6	7,9	7,9	7,2	**7,8**	Khá	Tốt	
16	Nguyễn Thị Bích Ngọc	11CT	**12A10**									**8,5**	Giỏi	Tốt	
17	Đỗ Tuyết Nhi	11A10	**12A10**	6,7	7,3	7,5	8,1	6,5	7,5	7,6	6,8	**7,5**	Khá	Tốt	
18	Huỳnh Thị Thanh Nhi	11A10	**12A10**	6,9	8,0	7,2	7,6	6,7	8,1	7,3	6,7	**7,6**	Khá	Tốt	
19	Dương Quỳnh Như	11A10	**12A10**	5,6	7,6	6,7	8,0	7,2	8,4	7,7	7,3	**7,5**	Khá	Tốt	
20	Lâm Tâm Như	11A10	**12A10**	7,5	8,9	8,2	8,2	7,7	8,3	7,7	8,4	**8,2**	Giỏi	Tốt	
21	Võ Minh Như	11A10	**12A10**	7,7	9,0	8,2	9,0	7,8	8,2	8,4	8,6	**8,5**	Giỏi	Tốt	
22	Nguyễn Xuân Phát	11A10	**12A10**	7,7	8,7	7,7	8,1	6,9	8,2	7,9	7,8	**8**	Khá	Tốt	
23	Đặng Nguyễn Bảo Phúc	11A10	**12A10**	7,3	7,6	6,8	7,0	5,9	8,1	7,4	7,7	**7,4**	Khá	Tốt	
24	Nguyễn Huỳnh Minh Quang	11A3	**12A10**	5,3	5,2	4,2	5,3	5,1	4,7	6,2	5,9	**5,8**	TB	Khá	
25	Nguyễn Xuân Quý	11A10	**12A10**	9,0	9,4	9,0	8,8	7,6	8,5	8,6	8,2	**8,7**	Giỏi	Tốt	
26	Lê Nguyễn Thu Quyên	11A10	**12A10**	6,2	7,5	6,5	7,8	7,4	7,3	7,6	7,4	**7,3**	Khá	Tốt	
27	Nguyễn Văn Sơn	11A10	**12A10**	5,9	7,2	5,1	7,0	5,2	5,7	5,7	4,7	**6,2**	TB	Khá	
28	Nguyễn Minh Tâm	11A6	**12A10**	6,5	8,0	6,5	7,6	6,0	6,9	7,2	6,9	**7,4**	Khá	Tốt	
29	Mai Thu Mỹ Tâm	11A9	**12A10**	6,3	6,9	7,9	7,6	7,5	7,9	6,9	7,5	**7,6**	Khá	Tốt	
30	Nguyễn Thị Huyền Tâm	11A10	**12A10**	7,1	9,4	8,0	8,5	7,9	8,1	8,1	8,2	**8,3**	Giỏi	Tốt	
31	Trần Thị Thanh Tâm	11A10	**12A10**	6,9	8,0	7,7	6,9	6,3	6,2	6,9	7,5	**7,5**	Khá	Tốt	
32	Phan Ngọc Thạch	11A10	**12A10**	6,4	7,9	7,3	7,8	6,5	7,7	7,1	5,7	**7,3**	Khá	Tốt	
33	Lê Thị Thắm	11A10	**12A10**	6,1	8,5	7,4	7,7	6,9	8,1	7,9	7,5	**7,7**	Khá	Tốt	
34	Lê Thị Thủy Tiên	11A10	**12A10**	7,0	7,7	7,7	7,3	6,0	7,6	7,0	6,6	**7,4**	Khá	Tốt	
35	Huỳnh Linh Trâm	11A6	**12A10**	6,5	7,7	7,8	7,8	7,7	7,5	8,0	6,8	**7,8**	Khá	Tốt	
36	Nguyễn Thùy Trang	11A10	**12A10**	6	8,2	7,2	7,6	6,2	8,1	7,3	7,3	**7,6**	Khá	Tốt	
37	Trương Thị Yến Trang	11A10	**12A10**	6,8	8,3	7,5	7,6	8	8,1	7,1	7,6	**7,7**	Khá	Tốt	
38	Đoàn Khánh Vy	11A6	**12A10**	6,9	6,9	5,8	7,3	6,2	7,4	7	5,8	**7,1**	Khá	Khá	
39	Phạm Thị Thảo Vy	11A10	**12A10**	6,7	8,6	7,3	8,6	8,2	7,8	7,3	7,2	**7,9**	Khá	Tốt	
40	Tăng Cẩm Vy	**11A10**	**12A10**	6,5	7,6	6,8	6,9	6,2	8,3	7,5	6,7	**7,4**	Khá	Tốt	
41	Lê Nguyễn Hải Yến	11A5	**12A10**	6,9	7,6	7,1	7,3	6,9	7,9	7,3	7,2	**7,8**	Khá	Tốt	
42															
43															
44															
45															